

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-02-2020

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ

Các Hội thẩm N dân:

Ông Võ Tân Liêm

Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án N dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án N dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 526/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp LC, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Đào Văn N, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp LC, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị L trình bày:

Về hôn N: Bà và ông Đào Văn N sống chung như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên N là do ông N không chung thủy, bà và ông N sống ly thân với nhau cách nay hơn 01 năm. Nay xét thấy không thể tiếp tục kéo dài đời sống vợ chồng với ông N được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 người con chung tên Đào Thị Y, sinh ngày 19/7/2000 và Đào Tuyết N, sinh ngày 10/6/2004. Hiện nay cháu Đào Thị Y đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Tuyết N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 10/02/2020, ông Đào Văn N trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà L. Về con chung là cháu Đào Tuyết Ngọc, nếu cháu có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Trương Thị L và ông Đào Văn N là tranh chấp về hôn N và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đào Văn N có địa chỉ cư trú tại ấp LC, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án N dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do ông N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Hôn N và gia đình năm 2000 thì bà Trương Thị L có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của bà L đã được Tòa án N dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 87 Luật Hôn N và gia đình năm 2000 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 88 Luật hôn N và gia đình năm 2000, nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, bà Trương Thị L và ông Đào Văn N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn N và gia đình thì mối quan hệ giữa bà L và ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn N và gia đình năm 2000. Mặt khác, ông N cũng đồng ý ly hôn với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét tuyên bố bà L và ông N không phải là vợ chồng.

Về nuôi dưỡng con chung: Đào Thị Y, sinh ngày 19/7/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Tuyết N, sinh ngày 10/6/2004, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại “Đơn nguyện vọng” ngày 10/02/2020, cháu N có nguyện vọng được sống chung với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa bà L và ông N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm*: Buộc bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn N và gia đình năm 2000; Các Điều 11, 85, 87 của Luật hôn N và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn N*: Tuyên bố bà Trương Thị L và ông Đào Văn N không phải là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Đào Tuyết N, sinh ngày 10/6/2004 cho bà Trương Thị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm*: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004906 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đào Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kỳ